

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

MST: 0101809894

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ 3 NĂM 2020**

**Báo cáo gồm có:**

1. Bảng cân đối kế toán
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

**Hà nội, tháng 10 năm 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III/2020 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>120,888,931,053</b>	<b>112,863,394,975</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1,594,270,433</b>	<b>2,597,154,179</b>
1. Tiền		111		1,594,270,433	2,597,154,179
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>95,858,847,400</b>	<b>89,643,694,902</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.2	66,926,667,268	73,441,534,898
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.3	12,566,243,724	1,017,593,820
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.4	15,912,000,000	15,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.5	1,666,914,944	1,397,544,720
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.6	(1,212,978,536)	(1,212,978,536)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>22,939,453,125</b>	<b>20,562,482,104</b>
1. Hàng tồn kho		141	V.7	23,284,216,083	20,978,506,522
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.8	(344,762,958)	(416,024,418)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>496,360,095</b>	<b>60,063,790</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9	496,360,095	60,063,790
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>6,933,967,962</b>	<b>5,660,767,007</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		<b>34,000,000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	V.10	34,000,000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>3,534,814,970</b>	<b>4,473,267,649</b>
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.11	3,490,491,470	4,413,601,399
Nguyên giá		222		9,165,133,247	8,993,367,899
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(5,674,641,777)	(4,579,766,500)



TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	44,323,500	59,666,250
	<i>Nguyên giá</i>	228		159,181,000	159,181,000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(114,857,500)	(99,514,750)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.13</b>	<b>1,122,433,966</b>	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,122,433,966	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,242,719,026</b>	<b>1,187,499,358</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,242,719,026	1,187,499,358
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>127,822,899,015</b>	<b>118,524,161,982</b>
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>44,236,676,173</b>	<b>41,836,631,676</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44,226,676,173</b>	<b>41,836,631,676</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	17,346,378,494	33,761,656,805
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	2,406,195,006	961,441,019
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	4,630,500,458	4,102,226,763
4.	Phải trả người lao động	314	V.18	1,433,635,209	1,992,874,059
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	-	85,000,000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	326,199,827	669,954,465
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	16,367,047,869	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	993,997,587	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	722,721,723	263,478,565
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10,000,000</b>	-
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.24	10,000,000	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>83,586,222,842</b>	<b>76,687,530,306</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>V.25</b>	<b>83,586,222,842</b>	<b>76,687,530,306</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		65,749,980,000	50,000,000,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65,749,980,000	50,000,000,000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2,214,333,235	929,475,341
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15,621,909,607	25,758,054,965
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2,059,276,326	5,060,897,079
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13,562,633,281	20,697,157,886
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430</b>		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>127,822,899,015</b>	<b>118,524,161,982</b>

Ngày 18 tháng 10 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

Nguyễn Bá Thị Hợp

Nguyễn Bá Thị Hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III/2020 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/07/2020 Đến ngày 30/09/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 03 năm 2020		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	45 049 197 460	58 590 900 571	136 201 607 373	157 250 771 125
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	143 022 027	276 914 908	394 794 476	961 792 636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		44 906 175 433	58 313 985 663	135 806 812 897	156 288 978 489
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	36 995 346 351	48 041 471 790	114 101 542 211	131 891 432 354
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7 910 829 082	10 272 513 873	21 705 270 686	24 397 546 135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	268 779 927	275 806 635	806 291 924	562 184 175
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	238 473 291	682 469	490 327 392	19 256 903
.- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		238 305 626		463 450 574	
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	1 343 729 901	1 347 649 439	3 123 759 442	3 840 836 783
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	2 104 820 031	1 153 876 547	4 338 605 542	4 201 321 996
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		4 492 585 786	8 046 112 053	14 558 870 234	16 898 314 628
11. Thu nhập khác	31	VI.6	897 310 857	472 801 678	2 432 341 649	1 253 335 153
12. Chi phí khác	32	VI.7	172		40 228	32 765 025
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		897 310 685	472 801 678	2 432 301 421	1 220 570 128
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5 389 896 471	8 518 913 731	16 991 171 655	18 118 884 756
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1 097 555 492	1 735 953 126	3 428 538 374	3 693 054 238
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4 292 340 979	6 782 960 605	13 562 633 281	14 425 830 518
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ngày 18 tháng 10 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Bá Thị Hợp

Nguyễn Bá Thị Hợp

Hoàng Mạnh Tân

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý III/2020 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Từ ngày 01/01/2020 Đến ngày 30/09/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		139 738 796 619	159 983 904 841
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(101 368 026 783)	(111 926 915 875)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(6 731 023 769)	(7 665 538 164)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(463 450 574)	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(2 832 528 276)	(3 674 219 985)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1 526 040 251	2 181 398 286
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(15 619 473 743)	(21 077 976 668)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14 250 333 725</b>	<b>17 820 652 435</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(912 000 000)	(15 000 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1 407 194	6 198 594
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(910 592 806)</b>	<b>(14 993 801 406)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(14 342 624 665)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(14 342 624 665)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1 002 883 746)</b>	<b>2 826 851 029</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2 597 154 179	1 386 087 431
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>1 594 270 433</b>	<b>4 212 938 460</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 18 tháng 10 năm 2020

Giám đốc

Nguyễn Bá Thị Hợp

Nguyễn Bá Thị Hợp



Hoàng Mạnh Tân

# **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

( Quý 3 / 2020)

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

##### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 94 nhân viên đang làm việc ( số đầu năm là 94 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6

## **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

## **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 10. **Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## 11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 12. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

## 13. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## 14. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	153,762,331	197,580,445
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,440,508,102	2,399,573,734
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
<b>Cộng</b>	<b><u>1,594,270,433</u></b>	<b><u>2,597,154,179</u></b>

#### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>64,502,776,867</i></b>	<b><i>64,862,038,565</i></b>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	61 016 738 763	58 384 100 574
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	1 096 763 657	3 809 679 673
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà		159 674 240
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	398 881 031	403 398 347
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	1 758 934 296	1 966 835 466
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)	231 459 120	87 050 025
Công ty Cổ phần Sơn Hà - WEGEN		51 300 240
...		
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>2,423,890,401</i></b>	<b><i>8,579,496,333</i></b>
Các khách hàng khác	2,423,890,401	8,579,496,333
<b>Cộng</b>	<b><u>66,926,667,268</u></b>	<b><u>73,441,534,898</u></b>

#### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>39,808,500</b>
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		39,808,500
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>12,566,243,724</b>	<b>977,785,320</b>
Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh		109,800,000
CHANGZHOU SUNNERGY ENERGY TECHNOLOGY CO., LTD		324,597,182
QUINGDAO SUNTY-ECO INDUSTRY & TRADE CO.,LTD		75,983,415
SHANGHAI MINIPORE INDUSTRIAL CO.,LTD		125,209,700
DONGGUAN ZHENGYANG IMPORT AND EXPORT TRADING CO.,LTD		312,564,420
Công ty cổ phần thương mại H2T Hà Nội	4,275,000,000	
AE Solar Co., LTD	3,181,284,000	
Công ty TNHH Kỹ Thuật Đạt - Chi nhánh Hà Nội	1,478,151,840	
Các nhà cung cấp khác	3,631,807,884	29,630,603
<b>Cộng</b>	<b><u>12,566,243,724</u></b>	<b><u>1,017,593,820</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>15,000,000,000</b>	<b>15,000,000,000</b>
Cho Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh v:	15,000,000,000	15,000,000,000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	912,000,000	
<b>Cộng</b>	<b>15,912,000,000</b>	<b>15,000,000,000</b>

### 5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1,666,914,944</b>	<b>-1,212,978,536</b>	<b>1,397,544,720</b>	<b>-1,212,978,536</b>
Tạm ứng	575,943,500		315,157,675	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,090,971,444	-1,212,978,536	1,082,387,045	-1,212,978,536
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Cá nhân khác	18,971,444	-140,978,536	120,141,080	-140,978,536
<b>Cộng</b>	<b>1,666,914,944</b>	<b>-1,212,978,536</b>	<b>1,397,544,720</b>	<b>-1,212,978,536</b>

### 6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có
			thể thu hồi			thể thu hồi
Ông Hoàng trọng Thủy	Trên 12 tháng	140.978.536		Trên 12 tháng	140.978.536	
Ông Kiều Thanh Phong	Trên 3 năm	536.000.000		Trên 3 năm	536.000.000	
Ông Nguyễn Văn Thảo	Trên 3 năm	536.000.000		Trên 3 năm	536.000.000	
<b>Cộng</b>		<b>1,212.978.536</b>			<b>1,212.978.536</b>	

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			1,356,172,975	
Nguyên liệu, vật liệu	12,108,650,506	336,187,366	13,548,071,016	407,448,826
Công cụ, dụng cụ	434,357,314		472,277,490	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1,919,159,634		995,581,272	
Thành phẩm	5,456,674,023	857,559,2	2,754,753,398	857,559,2
Hàng hóa	3,347,352,456		1,851,650,371	
Hàng gửi đi bán	18,022,150			
Hàng hóa kho bảo thuế				
<b>Cộng</b>	<b>23,284,216,083</b>	<b>344,762,958</b>	<b>20,978,506,522</b>	<b>416,024,418</b>

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	496,360,095	60,063,790
<b>Cộng</b>	<b><u>496,360,095</u></b>	<b><u>60,063,790</u></b>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư đầu kỳ	1,187,499,358	687,484,610
Tăng trong năm	1,768,839,974	800,406,852
Phân loại lại từ TSCĐ hữu hình		204,728,129
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn		-43,655,948
Phân bổ trong kỳ	-713,620,306	-461,464,285
Các chi phí trả trước dài hạn khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>2,242,719,026</u></b>	<b><u>1,187,499,358</u></b>

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	7,936,026,081	982,341,818	75,000,000	8,993,367,899
Mua trong năm/kỳ	106,818,182		64,947,166	171,765,348
Đầu tư XDCB hoàn thành				
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b><u>8,042,844,263</u></b>	<b><u>982,341,818</u></b>	<b><u>139,947,166</u></b>	<b><u>9,165,133,247</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-4,427,009,114	-151,547,709	-1,209,677	-4,579,766,500
Khấu hao trong năm/kỳ	-976,570,275	-105,250,914	-13,054,088	-1,094,875,277
Tăng khác				
Chuyển sang bất động sản đầu tư				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b><u>-5,403,579,389</u></b>	<b><u>-256,798,623</u></b>	<b><u>-14,263,765</u></b>	<b><u>-5,674,641,777</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	3,509,016,967	830,794,109	73,790,323	4,413,601,399
<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b><u>2,639,264,874</u></b>	<b><u>725,543,195</u></b>	<b><u>125,683,401</u></b>	<b><u>3,490,491,470</u></b>

#### 10. Tài sản cố định vô hình

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Bản quyền, bằng sáng chế</b>	<b>Nhãn hiệu, tên thương mại</b>	<b>Chương trình phần mềm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm			159,181,000	159,181,000
Mua trong năm/kỳ				
Tặng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
<b>Số cuối năm/kỳ</b>			<b>159,181,000</b>	<b>159,181,000</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm			-99,514,750	-99,514,750
Khấu hao trong năm/kỳ			-15,342,750	-15,342,750
Tặng khác				
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm khác				
<b>Số cuối năm/kỳ</b>			<b>-114,857,500</b>	<b>-114,857,500</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm			59,666,250	59,666,250
<b>Số cuối năm/kỳ</b>			<b>44,323,500</b>	<b>44,323,500</b>

## 11. Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

	<b>Số cuối năm/kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>12,380,905,540</b>	<b>25,550,613,262</b>
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà		
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	1,180,635,434	4,302,252,504
Công ty TNHH Đầu tư Phát Triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	34,320,000	430,980,000
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		39,808,500
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	10,977,350,194	20,253,245,460
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà		524,326,798
Công ty Cổ phần MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	188,599,912	
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>4,965,472,954</b>	<b>8,211,043,543</b>
Các nhà cung cấp khác	4,965,472,954	8,211,043,543
<b>Cộng</b>	<b>17,346,378,494</b>	<b>33,761,656,805</b>

## 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,045,545,919	1,982,612,077	2,011,587,835	1,016,570,161
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		2,731,140,286	2,731,214,542	-74,256
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế xuất, nhập khẩu		531,473,266	531,591,031	-117,765
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,832,528,276	3,428,538,374	2,832,528,276	3,428,538,374
Thuế thu nhập cá nhân	224,152,568	294,160,955	332,729,579	185,583,944
Thuế tài nguyên				
Thuế nhà đất				
Tiền thuê đất				
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác		8,030,800	8,030,800	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
<b>Cộng</b>	<b>4,102,226,763</b>	<b>8,975,955,758</b>	<b>8,447,682,063</b>	<b>4,630,500,458</b>

### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,389,896,471	8,518,913,731
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận ch	97,880,989	160,851,899
- Các khoản điều chỉnh tăng	97,880,989	160,851,899
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	5,487,777,460	8,679,765,630
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	5,487,777,460	8,679,765,630
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1,097,555,492</b>	<b>1,735,953,126</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1,097,555,492</b>	<b>1,735,953,126</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>		
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1,097,555,492</b>	<b>1,735,953,126</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả.

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	85,000,000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>85,000,000</b>

#### 14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
...		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>326,199,827</i>	<i>669,954,465</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	160,131,200	140,535,230
Bảo hiểm xã hội	(3,783,040)	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	169,851,667	529,419,235
<b>Cộng</b>	<b>326,199,827</b>	<b>669,954,465</b>

#### 15. Vay và nợ thuê tài chính

##### 15a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>16,367,047,869</i>	<i>16,367,047,869</i>	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	16,367,047,869	16,367,047,869		
<b>Cộng</b>	<b>16,367,047,869</b>	<b>16,367,047,869</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

##### 15b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Vay dài hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân		
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

##### Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm/kỳ</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	263,478,565	513,943,158	(54,700,000)	722,721,723
Quỹ phúc lợi				
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định				-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành				-
<b>Cộng</b>	<b><u>263,478,565</u></b>	<b><u>513,943,158</u></b>	<b><u>(54,700,000)</u></b>	<b><u>722,721,723</u></b>

## 17. Vốn chủ sở hữu

### 17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi</u>	<u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	50,000,000,000	123,932,857			16,309,656,557	66,433,589,414
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi						
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển						
Chi trả cổ tức bằng tiền					-15,000,000,000	-15,000,000,000
Thủ lao BKS, HĐQT					-121,000,000	-121,000,000
Trích lập các quỹ		805,542,484	-322,216,994		-805,542,484	-322,216,994
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức						
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền						
Lợi nhuận trong kỳ					25,697,157,886	25,697,157,886
...						
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>50,000,000,000</u></b>	<b><u>929,475,341</u></b>	<b><u>-322,216,994</u></b>	<b><u></u></b>	<b><u>26,080,271,959</u></b>	<b><u>76,687,530,306</u></b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>50,000,000,000</b>	<b>929,475,341</b>	<b>-322,216,994</b>	<b></b>	<b>26,080,271,959</b>	<b>76,687,530,306</b>
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do thay đổi						
Phát hành cổ phiếu từ LN để lại	15,749,980,000				-15,749,980,000	
Chi trả cổ tức bằng tiền					-5,000,000,000	-5,000,000,000
Thủ lao BKS, HĐQT					-156,000,000	-156,000,000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền						
Lợi nhuận trong năm/kỳ này						
Trích lập các quỹ		1,284,857,894	-513,943,158	-993,997,587	-1,284,857,894	-1,507,940,745
Lợi nhuận trong kỳ					13,562,633,281	13,562,633,281
...						
<b>Số dư cuối năm nay/kỳ này</b>	<b><u>65,749,980,000</u></b>	<b><u>2,214,333,235</u></b>	<b><u>-836,160,152</u></b>	<b><u>-993,997,587</u></b>	<b><u>17,452,067,346</u></b>	<b><u>83,586,222,842</u></b>

### 17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	33,533,500,000	25,795,000,000
Hoàng Mạnh Tân	7,375,000,000	5,500,000,000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP		
Công Thương Việt Nam	6,500,000,000	5,000,000,000
Khác	18,341,480,000	13,705,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>65,749,980,000</u></b>	<b><u>50,000,000,000</u></b>

### 17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6 574 998	5 000 000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	6 574 998	5 000 000

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6 574 998	5 000 000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### **17d. Phân phối lợi nhuận**

Ngày 28 tháng 04 năm 2020. Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 20/2020/NQ - ĐHĐCĐ về phương án chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 30% vốn điều lệ và cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 20% vốn điều lệ (cổ đông được nhận cổ tức 2000đ/cp).

#### **18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại

	30/09/2020		01/01/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ
USD	113	<u>2,557,801</u>	113	<u>2,557,801</u>
<b>Cộng</b>	113	<u>2,557,801</u>	113	<u>2,557,801</u>

## **VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

### **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	11 095 457 569	12 044 541 166
Doanh thu bán thành phẩm	33 784 192 998	46 431 651 637
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150 610 529	81 546 867
Doanh thu khác	18,936,364	33,160,901
<b>Cộng</b>	<u><b>45,049,197,460</b></u>	<u><b>58,590,900,571</b></u>

#### **1b. Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Các thành viên Ban điều hành		
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SF)	225 746 867	105 309 856
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	32,313,551,319	32 004 399 225
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		190 650
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	3 508 364 895	4 228 725 943
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	48 227 400	1 060 339 686
Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Dịch Vụ Sơn Hà		1 020 536 949
Công ty Cổ phần Sơn Hà - WEGEN		
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	9 228 419	47 715 907
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	4 695 542 768	3 518 216 200
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	796 982 266	714 835 625
khách hàng khác	3,451,553,526	15,890,630,530
<b>Tổng cộng</b>	<b>45,049,197,460</b>	<b>58,590,900,571</b>

## 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	104,977,273	216,176,957
Hàng bán bị trả lại	38,044,754	60,737,951
Giảm giá hàng bán		
<b>Cộng</b>	<b>143,022,027</b>	<b>276,914,908</b>

## 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8,396,250,929	9,606,965,993
Giá vốn của thành phẩm đã bán	28,556,785,506	38,379,689,442
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42,309,916	54,816,355
<b>Cộng</b>	<b>36,995,346,351</b>	<b>48,041,471,790</b>

## 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	268,779,927	265,896,309
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		9,910,326
Khác		
<b>Cộng</b>	<b>268,779,927</b>	<b>275,806,635</b>

## 5. Chi phí tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	238,305,626	
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	167,665	682,469
...		
<b>Cộng</b>	<b><u>238,473,291</u></b>	<b><u>682,469</u></b>

### 6 Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	382,575,508	347,045,931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11,859,566	6,261,972
Chi phí bảo hành	164,875,134	182,248,346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290,080,337	756,222,767
Các chi phí khác	494,339,356	<b>55870423</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>1,343,729,901</u></b>	<b><u>1,347,649,439</u></b>

### 6. Chi phí quản lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1,171,165,265	743,330,790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49,796,594	47,288,709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28,236,453	28,236,453
Thuế, phí và lệ phí	105,224,767	76,635,065
+ Chi phí đồ dùng văn phòng		
Các chi phí khác	<b>750 396 952</b>	<b>258,385,530</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>2,104,820,031</u></b>	<b><u>1,153,876,547</u></b>

### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	897,310,857	472,801,678
Thu nhập khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>897,310,857</u></b>	<b><u>472,801,678</u></b>

### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	172	
<b>Cộng</b>	<b><u>172</u></b>	

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	Số kỳ này	Số kỳ trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm		
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		

### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức		
Bảo hiểm xã hội nộp hộ		

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 919.719.696 VND (năm trước là 1.207.780.776 VND).

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ (SHI)
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của SHI

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Bá Thị Hợp

Nguyễn Bá Thị Hợp

Hoàng Mạnh Tân